Tuần 6

(7.02.2022 – 11.02.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta kỳ hạn T3/2022 tăng 2,65% so với tuần trước lên mức bình quân 2.262 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2022 tăng 4,97% so với mức giá tuần trước lên mức bình quân 5.537 USD/tấn.
- Trong tuần, ICE đã báo cáo lượng dự trữ cà phê tại các kho cảng được giám sát bởi sàn giao dịch này đã giảm trong ngày thứ 15 liên tiếp xuống 1,035 triệu bao.
- Xuất khẩu cà phê thế giới trong tháng 12/2021 đạt 12,12 triệu bao 60 kg, tăng 8,9% so với mức 11,12 triệu bao cùng kỳ năm 2020.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

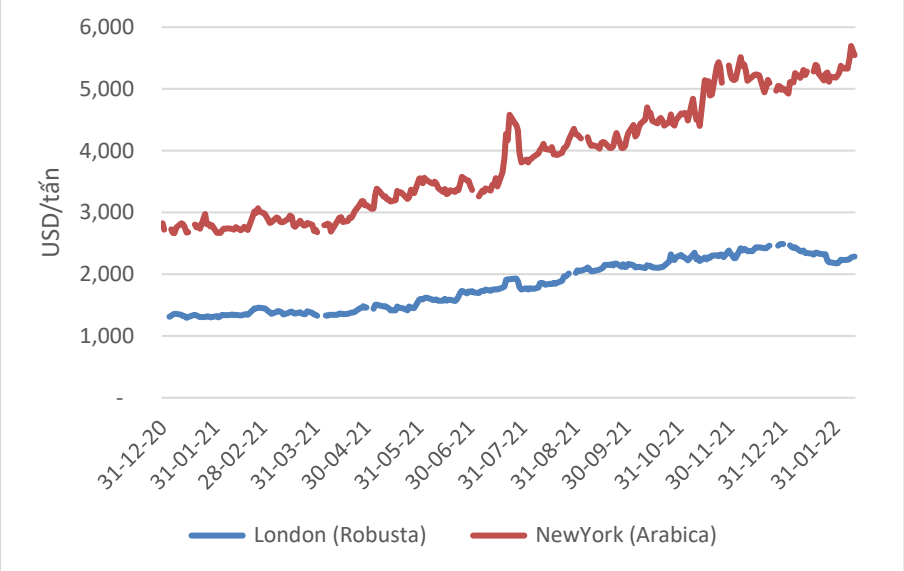

Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 3/2022 có 5 phiên tăng. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.262 USD/tấn, tăng 2,65% so với tuần trước, và tăng 68,68% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.284 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.233 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 3/2022 có 3 phiên giảm, 2 phiên tăng. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 5.537 USD/tấn, tăng 4,97% so với mức giá tuần trước và tăng 102,24% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.696 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 5.327 USD/tấn.

Dù tồn kho đạt chuẩn vẫn thấp nhưng thông tin về lạm phát tại Mỹ, lượng bán nhiều của Brazil kéo giá cà phê Arabica đi xuống. Trong khi đó, giá cà phê Robusta vẫn giữ được đà tăng. Tuy nhiên đà tăng của cà phê Robusta được đánh giá không mạnh, không bền vững, do có nhiều thông tin về hàng chục nghìn tấn cà phê đang được đưa sang châu Âu chờ đưa lên sàn đấu giá.

Sau khi đạt mức thấp nhất kể từ tháng 2 năm 2000, kho dự trữ của sàn ICE có khả năng giảm xuống dưới 1 triệu bao. Trong tuần, ICE đã báo cáo lượng dự trữ cà phê tại các kho cảng được giám sát bởi sàn giao dịch này đã giảm trong ngày thứ 15 liên tiếp xuống 1,035 triệu bao.

Các đơn hàng xuất khẩu cà phê nhân của Braxin đã giảm 14% trong tháng 01/2022, trong đó thiếu chỗ trên tàu vẫn là một thách thức lớn đối với các nhà xuất khẩu. Ngoài ra, dự trữ cà phê duy trì ở mức thấp sau khi sản lượng sụt giảm vào năm ngoái, tình trạng này có thể kéo dài tới vụ thu hoạch cà phê mới vào tháng 5 và tháng 6 năm nay.

Tồn kho giảm cũng là dấu hiệu cho thấy nhu cầu đang vượt quá nguồn cung cà phê, đây là điều kiện làm tăng giá cà phê. Giá cà phê đã chạm mức cao nhất trong nhiều năm vào thời điểm lạm phát giá lương thực đang gia tăng trên toàn cầu.

Xuất khẩu cà phê thế giới trong tháng 12/2021 đạt 12,12 triệu bao 60 kg, tăng 8,9% so với mức 11,12 triệu bao cùng kỳ năm 2020. Theo đó, 31,29 triệu bao cà phê đã được xuất khẩu trong quý đầu tiên của niên vụ cà phê 2020/21, tăng 5,0% so với thời điểm trước đại dịch từ tháng 10-12/2019 ở mức 29,79 triệu bao, mặc dù giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước.

Sự gia tăng xuất khẩu cà phê thế giới chủ yếu là do xuất khẩu cà phê từ khu vực châu Á và châu Đại Dương, xuất khẩu cà phê từ khu vực này tăng 37,4% và đạt mức 4,71 triệu bao. Theo đó, xuất khẩu cà phê từ khu vực này trong quý đầu tiên của niên vụ cà phê 2021/22 tăng lên 11,04 triệu bao, so với mức 8,51 triệu bao cùng kỳ năm trước. Ba thị trường xuất khẩu lớn nhất là Ấn Độ, Indonesia và Việt Nam chiếm khoảng 50,8% tốc độ tăng tuyệt đối trong quý. Xuất khẩu cà phê từ 3 quốc gia này đã tăng 1,32 triệu bao lên 10,62 triệu bao, so với mức 8,06 triệu bao trong quý đầu tiên của niên vụ cà phê 2020/21.

Trong khi đó, xuất khẩu cà phê từ Nam Mỹ đã giảm 19,2% trong quý I niên vụ cà phê 2021/22 đạt 15,28 triệu bao, so với 18,92 triệu bao trong tháng 10-12/2020. Xuất khẩu từ 2 quốc gia xuất khẩu cà phê lớn nhất trong khu vực là Braxin và Colombia đã giảm lần lượt 25,8% và 8,4% trong quý xuống mức 10,15 triệu bao từ 13,68 triệu bao so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cà phê từ Bolivia, Ecuador và Peru đã tăng 1,82 triệu bao trong giai đoạn từ tháng 10 tới 12 năm 2021, từ mức 1,62 triệu bao trong cùng giai đoạn 2020.

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng từ 900-1.000 đồng/kg. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 40.953 đồng/ kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 40.420 đồng/kg
- Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 2,08% so với tuần lên mức 2.298 USD/tấn.
- Lũy kế đến hết năm 2021, Đắk Nông đã thực hiện Chương trình tái canh cà phê đạt 23.104,25 ha.
- Mùa vụ 2021 - 2022, lần đầu tiên nông dân trồng cà phê ở xã Lát, huyện Lạc Dương tiêu thụ cà phê đạt chuẩn chứng nhận Rain Forest Alliance 2020.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

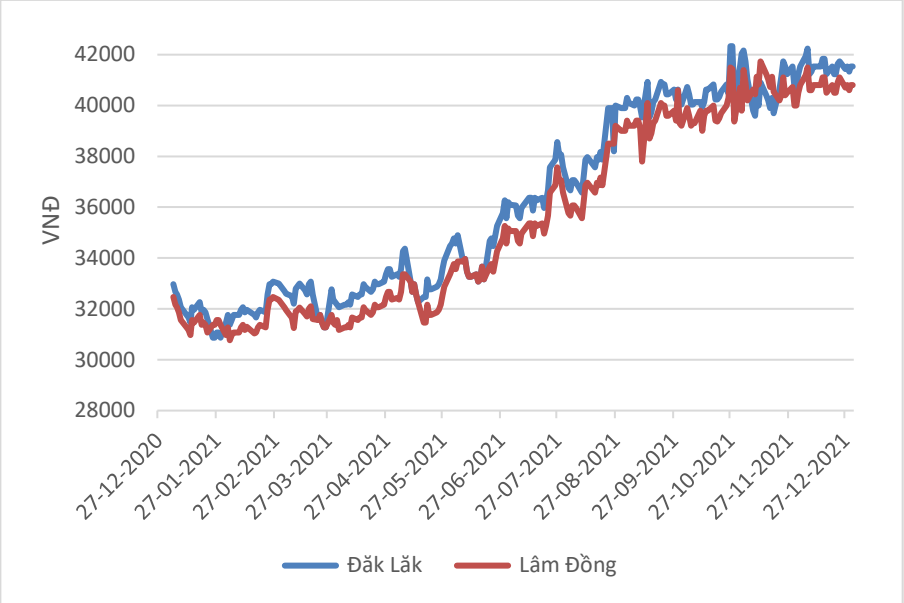

Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 40.953 đồng/kg, tăng 2,35% so với tuần trước và tăng 28,27% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 2,38% so với tuần trước, lên mức bình quân 40.420 đồng/kg, tăng 29,41% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.298,6 USD/tấn, tăng 2,08% so với tuần trước.

Đắk Nông là địa phương có diện tích cà phê đứng thứ 3 khu vực Tây Nguyên, với diện tích khoảng trên 131.000 ha, sản lượng ước đạt trên 330.000 tấn (năm 2021). Thời gian qua tỉnh Đắk Nông đã tích cực thực hiện chương trình tái canh cà phê nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cà phê thương phẩm, nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm cà phê của tỉnh. Năm 2021, toàn tỉnh triển khai thực hiện Chương trình tái canh được 2.570,3 ha/3.099,8 ha KH, đạt 82,92% (trong đó: tái canh 1.951,7 ha/2.329,1 ha KH, đạt 83,8%; Ghép cải tạo 618,6 ha/770,7 ha KH, đạt 80,26 %). Diện tích tái canh cà phê không đạt theo kế hoạch đề ra, nguyên nhân do năm 2021 giá cà phê tăng cao hơn so với cùng kỳ các năm trước (tăng lên 40.000 đồng/kg); do đó người dân không mạnh dạn nhổ bỏ trồng lại, muốn để lại để tiếp tục thu hoạch dù năng suất thấp. Mặt khác, chi phí vật tư nông nghiệp tăng cao, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến khả năng đầu tư tái canh của người sản xuất.

Lũy kế đến hết năm 2021, Đắk Nông đã thực hiện Chương trình tái canh cà phê đạt 23.104,25 ha (trong đó: tái canh đạt 19.259,51 ha; ghép cải tạo đạt 3.844,74 ha). Diện tích cà phê tái canh chủ yếu

trồng bằng giống mới, từng bước nâng cao năng suất và chất lượng cà phê nhân, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay. Các giống cà phê được người dân lựa chọn để tái canh như: TR4, TR9, TR11, TRS1, cà phê dây,…

Chương trình tái canh cà phê đã đem lại một số hiệu quả như: trẻ hóa vườn cà phê già cỗi, sâu bệnh, năng suất thấp không còn khả năng phục hồi. Đối với những vườn tái canh hiệu quả, được quản lý tốt về giống và kỹ thuật cho năng suất bình quân 3,0 – 3,5 tấn/ha đối với tái canh bằng cây giống thực sinh; 3,5 – 4,0 tấn/ha đối với cà phê ghép cải tạo, như vậy năng suất cà phê tái canh tăng gần gấp đôi so với trước đây; cá biệt có một số vườn sau khi tái canh, ghép cải tạo năng suất đạt 4,5 – 5,0 tấn/ha (tại Đắk Mil, Đắk R'lấp). Đánh giá hiệu quả kinh tế: vườn sản xuất cà phê tái canh, ghép cải tạo hiệu quả đem lại thu nhập cho người sản xuất cao hơn so với sản xuất đại trà từ 20 - 60 triệu đồng/ha (so với giá bán hiện nay 40.000 đồng/kg), do năng suất bình quân cao hơn từ 0,5 – 1,5 tấn/ha.

Mùa vụ 2021 - 2022, lần đầu tiên nông dân trồng cà phê ở xã Lát, huyện Lạc Dương tiêu thụ cà phê đạt chuẩn chứng nhận Rain Forest Alliance 2020.

Từ năm 2019 đến nay, SNV (Tổ chức phát triển Hà Lan) đã bền bỉ thực hiện các hoạt động nhằm phát triển cà phê bền vững, nâng cao giá trị cà phê và nâng cao chất lượng rừng trên địa bàn huyện Lạc Dương. Qua đó, góp phần bảo tồn cảnh quan Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang nói riêng và ứng phó với biến đổi khí hậu nói chung. Nằm trong chương trình này, tại xã Lát đã có 3 tổ hợp tác được thành lập gồm: Chong Mui, Chăng Đông, Cil Cà phê với 34 hộ, quy mô 50 ha cà phê; trong đó, có 40 ha đang cho thu hoạch cơ bản. SNV đã kết nối với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Cà phê Tám Trình để hỗ trợ bà con sản xuất cà phê thành công theo Bộ nguyên tắc UTZ Certified (thực hành nông nghiệp tốt). Công ty đã thu mua toàn bộ số cà phê đạt chất lượng của bà con theo giá thành cao hơn thị trường với các chính sách cộng thưởng khác nhau.

Mùa vụ 2021 - 2022 này, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu cà phê Tám Trình chính thức sử dụng chứng nhận Rain Forest Alliance 2020. Đây là chứng Nhận chủ yếu cho các sản phẩm Nông nghiệp bền vững trên phạm vi toàn cầu hướng tới nền nông nghiệp bền vững để người sản xuất và tiêu thụ có trách nhiệm cùng nhau, nâng cao thu nhập, cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn, hài hòa giữa con người và thiên nhiên trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là canh tác.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, tình hình nhiễm bệnh trên cây cà phê tính đến 03/02 như sau: (i) Bệnh khô cành: Diện tích nhiễm 8.094 ha (tăng 348 ha so với kỳ trước, giảm 3.162 ha so CKNT), đã phòng trừ trong kỳ 13.520 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Gia Lai, Đăk Lăk, Lâm Đồng, Quảng Trị, Điện Biên, Bình Phước, Đồng Nai,… (ii) Bệnh gỉ sắt: Diện tích nhiễm 8.165 ha (giảm 187 ha so với kỳ trước, giảm 441 ha so CKNT) diện tích nhiễm nặng 67 ha; đã phòng trừ trong kỳ 14.408 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, Quảng Trị, Điện Biên.

Nguồn tham khảo:

1. https://www.theice.com/index
2. https:// www.iandmsmith.com/
3. https://www.comunicaffe.com
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. https://giacaphe.com
6. https://www.comunicaffe.com/
7. https://lamdong.gov.vn/sites/snnptnt/tth/SitePages/San-xuat-ca-phe-dat-chuan-Rain-Forest.aspx
8. https://www.ppd.gov.vn/tin-moi-nhat/thong-bao-tinh-hinh-dich-hai-tuan-01-thang-02-nam-2022.html

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	**39,900**	**40,100**	**40,400**	**40,800**	**40,900**	**40,420**	**940**
Bảo Lộc	39,900	40,100	40,400	40,800	40,900	40,420	940
Di Linh	39,900	40,100	40,400	40,800	40,900	40,420	940
Lâm Hà	39,900	40,100	40,400	40,800	40,900	40,420	940
ĐẮK LẮK	**40,433**	**40,633**	**40,933**	**41,333**	**41,433**	**40,953**	**940**
Cư M'gar	40,500	40,700	41,000	41,400	41,500	41,020	940
Ea H'leo	40,400	40,600	40,900	41,300	41,400	40,920	940
Buôn Hồ	40,400	40,600	40,900	41,300	41,400	40,920	940
GIA LAI	**40,333**	**40,533**	**40,833**	**41,233**	**41,333**	**40,853**	**927**
Pleiku	40,300	40,500	40,800	41,200	41,300	40,820	920
Chư Prông	40,400	40,600	40,900	41,300	41,400	40,920	940
La Grai	40,300	40,500	40,800	41,200	41,300	40,820	920
ĐẮK NÔNG	**40,350**	**40,550**	**40,850**	**41,250**	**41,350**	**40,870**	**940**
Đắk R'lấp	40,300	40,500	40,800	41,200	41,300	40,820	940
Gia Nghĩa	40,400	40,600	40,900	41,300	41,400	40,920	940
KON TUM	**40,400**	**40,600**	**40,900**	**41,300**	**41,400**	**40,920**	**1000**
Đắk Hà	40,400	40,600	40,900	41,300	41,400	40,920	1000
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	**2,284**	**2,288**	**2,289**	**2,314**	**2,318**	**2,299**	**47**

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn